

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA BỂ
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HS-ST
Ngày: 18/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BỂ, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ma Thị Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Dương Văn Mạo** và ông **Lưu Xuân Thảo**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hứa Huyền Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HS ngày 04/01/2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, Tên gọi khác: không, Sinh ngày 10/5/1976, tại huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn P, xã C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: Lớp 6/12. Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân B và bà Dương Thị N; vợ là Phạm Thị Th (đã ly hôn); con: chưa có; tiền sự: Không. Tiền án: 03. Ngày 28/7/2011 bị Tòa án nhân dân huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 07/12/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 29/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 30 tháng tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp hình phạt với bản án số 07/2016/HSST, ngày 07/12/2016, Nguyễn Văn Đ phải chấp hành chung cho hai bản án là 45 (bốn mươi lăm) tháng tù.

Bị cáo được tại ngoại tại địa phương cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Bà Mã Thị N, sinh năm 1988;
2. Ông Đinh Văn T, sinh năm 1985;
3. Bà Hứa Thị N, sinh năm 1939;

Đều cư trú tại: Thôn P, xã C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.

(Bị hại vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

*** Người làm chứng:**

1. Ông Sầm Văn T, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

2. Ông Hứa Đình H, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn P, xã C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ ngày 05/5/2020, Nguyễn Văn Đ đi bộ từ nhà tại thôn P, xã C, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn vào khu vực B thuộc thôn P, xã C với mục đích tìm gà để trộm cắp. Khi đi qua đoạn đường dưới nhà chị Mã Thị N sinh năm 1988, trú tại: thôn P, xã C, huyện Ba Bể, Đ nhìn lên phía trên đường thấy cạnh nhà chị N có một chuồng gà. Quan sát thấy gia đình chị N đã đi ngủ, Đ đi đến chuồng gà rồi chui qua cửa chuồng vào bên trong bắt được một con gà trống, thấy gà kêu to, sợ bị phát hiện Đ cầm con gà vừa trộm được giấu vào gốc cây chè ven đường. Sau đó, Đ quay lại chuồng gà, thấy gia đình chị N vẫn yên lặng nên Đ tiếp tục vào trong chuồng gà trộm thêm 02 (hai) con gà mái rồi quay xuống vị trí cất giấu con gà đã trộm trước đó, Đ cho hai con gà mái vào một túi bóng màu xanh mà Đ nhặt được ở gần khu vực chuồng gà, tay trái xách túi đựng gà, tay phải ôm con gà trống rồi đi về nhà. Đ cho 03 con gà vào cùng một bao tải và giấu ở sau nhà. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, Đ xách bao tải có 03 con gà trộm cắp được đi xe bus lên thị trấn C, huyện Ba Bể đến gần Chợ thuộc tiểu khu 3, thị trấn C, Đ đã bán 03 con gà cho một người phụ nữ không quen biết với giá 80.000đồng/kg. Tổng 03 con gà cân nặng 04 kg. Đ lấy số tiền là 300.000 đồng. Khi bán gà được tiền, Đ lên xe bus đi thành phố Bắc Kạn chơi và đã tiêu sài cá nhân hết số tiền 300.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 498/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 12/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ba Bể kết luận: 01 con gà trống lông màu đỏ nặng 02 kg có giá trị 240.000 đồng; 02 con gà mái, mỗi con nặng 01 kg có giá trị 240.000 đồng. Tổng giá trị tài sản tại thời điểm bị trộm cắp là 480.000^d (Bốn trăm tám mươi nghìn đồng).

Tại Bản cáo trạng số: 28/CT-VKSBB ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

b, Đã bị kết án về tội này.....chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” và áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 173, Điều 38, điểm b, h, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52/BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Đ.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Văn Đ đã bồi thường số tiền 480.000 đồng cho bị hại, bị hại đã nhận số tiền bồi thường và không có yêu cầu gì khác, nên không xem xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136/BLTTHS; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Đ thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại vắng mặt, nhưng trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong hồ sơ vụ án và đề nghị xét xử hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, Nguyễn Văn Đ đều thừa nhận: Do không có tiền tiêu sài cá nhân nên khoảng 00 giờ ngày 05/5/2020 Đ đã có hành vi chiếm đoạt tài sản là 03 con gà có trọng lượng 04 kg của chị Mã Thị N, trị giá là 480.000^d (Bốn trăm tám mươi nghìn đồng). Do bị cáo đã có tiền án về tội “trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích, nên hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 173/BLHS.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ căn cứ xác định việc truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Xét tính chất hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, có 03 (ba) tiền án. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 52/BLHS và được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, “phạm tội gây thiệt hại không lớn”, “tự nguyện bồi thường”, có bố đẻ là ông Nguyễn Xuân B là người có công với Nhà nước, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51/BLHS.

Trong quá trình điều tra, truy tố anh Đinh Văn T xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt thì anh T vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong hồ sơ vì vậy bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự” quy định tại khoản 2 Điều 51/BLHS.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, không có tài sản riêng, nên không có khả năng thi hành. Do đó không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận số tiền bồi thường về tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về vật chứng: Không có

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 - Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 173; Điều 38; điểm b, h, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm h, khoản 1, Điều 52/BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

* Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 - Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định./.

Nơi nhận:

- VKSND Ba Bể 1;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn 1;
- CA huyện Ba Bể 2;
- Bị cáo 1;
- Bị hại 3;
- TA tỉnh BK 1;
- Sở tư pháp 1;
- THADS 1;
- Lưu Hồ sơ vụ án 1;
- Lưu TA 1;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Ma Thị Nguyên

